

Số: *116* /NQ-HĐND

Điện Biên, ngày 10 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về việc sáp nhập, đổi tên các thôn, bản, đội, tổ dân phố
thuộc 02 huyện: Điện Biên và Điện Biên Đông**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Sau khi xem xét Tờ trình số 1977/TTr-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc sáp nhập, đổi tên các thôn, bản, đội, tổ dân phố thuộc 02 huyện: Điện Biên và Điện Biên Đông và Báo cáo thẩm tra số: 28/BC-DT ngày 05/7/2019 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh và ý kiến của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định sáp nhập, đổi tên các thôn, bản, đội, tổ dân phố thuộc 02 huyện Điện Biên và Điện Biên Đông, cụ thể như sau:

1. Huyện Điện Biên: Sáp nhập 239 thôn, bản, đội để thành lập 119 thôn, bản, đội; đổi tên 02 bản.

2. Huyện Điện Biên Đông: Sáp nhập 90 bản, tổ dân phố để thành lập 45 bản, tổ dân phố; đổi tên 08 bản, tổ dân phố.

(Có danh sách sáp nhập, đổi tên thôn, bản, đội, tổ dân phố kèm theo).

3. Sau khi sáp nhập huyện Điện Biên có 345 thôn, bản, đội; huyện Điện Biên Đông có 198 bản, tổ dân phố.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và bãi bỏ khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 397/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khoá XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2019./.

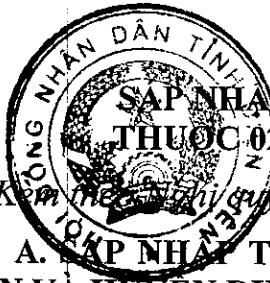
Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy; HĐND; UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP HĐND tỉnh;
- Công báo tỉnh; Báo Điện Biên Phủ;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lò Văn Muôn



DANH SÁCH

SÁP NHẬP, ĐỔI TÊN THÔN, BẢN, ĐỘI, TỔ DÂN PHỐ THUỘC 02 HUYỆN: ĐIỆN BIÊN VÀ ĐIỆN BIÊN ĐÔNG

(Kèm theo Nghị quyết số: 16/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh)

A. SÁP NHẬP THÔN, BẢN, ĐỘI, TỔ DÂN PHỐ THUỘC HUYỆN ĐIỆN BIÊN VÀ HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG.

I. HUYỆN ĐIỆN BIÊN: Sáp nhập 239 thôn, bản, đội để thành lập 119 thôn, bản đội.

1. Xã Sam Mứn: Sáp nhập 10 bản để thành lập 05 bản.

1.1. Sáp nhập 63 hộ, 266 nhân khẩu của bản Ban và 57 hộ, 242 nhân khẩu của bản Lọng Dồm để thành lập bản Ban. Bản Ban sau khi thành lập có 120 hộ, 508 nhân khẩu.

1.2. Sáp nhập 46 hộ, 183 nhân khẩu của Đội 4A với 33 hộ, 137 nhân khẩu của Đội 4B để thành lập Thôn 4. Thôn 4 sau khi thành lập có 79 hộ, 320 nhân khẩu.

1.3. Sáp nhập 61 hộ, 224 nhân khẩu bản Cang 1 và 57 hộ, 227 nhân khẩu bản Cang 2 để thành lập Bản Cang. Bản Cang sau khi thành lập có 118 hộ, 451 nhân khẩu.

1.4. Sáp nhập 44 hộ, 187 nhân khẩu bản Đon Đưa và 76 hộ, 314 nhân khẩu bản Yên để thành lập Bản Yên. Bản Yên sau khi thành lập có 120 hộ, 501 nhân khẩu.

1.5. Sáp nhập 65 hộ, 261 nhân khẩu bản Yên Cang 1 và 28 hộ, 108 nhân khẩu bản Yên Bình để thành lập Bản Cà Phê. Bản Cà Phê sau khi thành lập có 93 hộ, 369 nhân khẩu.

2. Xã Phu Lương: Sáp nhập 04 bản để thành lập 02 bản.

2.1. Sáp nhập 60 hộ, 298 nhân khẩu bản Xẻ 1 với 44 hộ, 203 nhân khẩu bản Xẻ 2 để thành lập Bản Xẻ. Bản Xẻ sau khi thành lập có 104 hộ, 501 nhân khẩu.

2.2. Sáp nhập 61 hộ, 338 nhân khẩu bản Na Há 1 và 59 hộ, 254 nhân khẩu bản Na Há 2 để thành lập Bản Na Há. Bản Na Há sau khi thành lập có 120 hộ, 592 nhân khẩu.

3. Xã Thanh Nưa: Sáp nhập 8 bản để thành lập 04 bản.

3.1. Sáp nhập 48 hộ, 227 nhân khẩu bản Mễn 1 và 95 hộ, 358 nhân khẩu bản Mễn 2 để thành lập Bản Mễn. Bản Mễn sau khi thành lập có 143 hộ, 585 nhân khẩu.

3.2. Sáp nhập 77 hộ, 289 nhân khẩu của bản Quyết Thắng với 68 hộ, 231 nhân khẩu của thôn Độc Lập để thành lập Thôn Độc Lập. Thôn Độc Lập sau khi thành lập có 145 hộ, 520 nhân khẩu.

3.3. Sáp nhập 47 hộ, 208 nhân khẩu bản Nà Lồm 1 và 46 hộ, 185 nhân khẩu bản Nà Lồm 2 để thành lập Bản Nà Lồm. Bản Nà Lồm sau khi thành lập có 93 hộ, 393 nhân khẩu.

3.4. Sáp nhập 34 hộ, 134 nhân khẩu bản Thanh Bình với 22 hộ, 85 nhân khẩu bản Co Rôm để thành lập Thôn Thanh Bình - Co Rôm. Thôn Thanh Bình - Co Rôm sau khi thành lập có 56 hộ, 219 nhân khẩu.

4. Xã Mường Pôn: *Sáp nhập 02 bản để thành lập 01 bản.*

Sáp nhập 71 hộ, 302 nhân khẩu bản Lĩnh 1 và 74 hộ, 474 nhân khẩu bản Lĩnh 2 để thành lập Bản Lĩnh. Bản Lĩnh sau khi thành lập có 145 hộ, 776 nhân khẩu.

5. Xã Noong Hẹt: *Sáp nhập 24 bản để thành lập 11 bản.*

5.1. Sáp nhập 52 hộ, 263 nhân khẩu của bản Noong Bua và 40 hộ, 193 nhân khẩu bản Huổi Lé A, 16 hộ, 92 nhân khẩu bản Huổi Lé B để thành lập Bản Noong Bua. Bản Noong Bua sau khi thành lập có 108 hộ, 548 nhân khẩu.

5.2. Sáp nhập 69 hộ, 282 nhân khẩu thôn Tân Biên và 53 hộ, 285 nhân khẩu thôn Tân Bình để thành lập Thôn Tân Biên. Thôn Tân Biên sau khi thành lập có 122 hộ, 567 nhân khẩu.

5.3. Sáp nhập 38 hộ, 56 nhân khẩu của thôn Hợp Thành với 54 hộ, 247 nhân khẩu thôn Lập Thành để thành lập Thôn Hợp Thành. Thôn Hợp Thành sau khi thành lập có 92 hộ, 303 nhân khẩu.

5.4. Sáp nhập 71 hộ, 389 nhân khẩu bản Phiêng Cá với 46 hộ, 287 nhân khẩu bản Mớ để thành lập Bản Mớ. Bản Mớ sau khi thành lập có 117 hộ, 676 nhân khẩu.

5.5. Sáp nhập 40 hộ, 190 nhân khẩu bản Bông A và 44 hộ, 200 nhân khẩu bản Bông B và 71 hộ, 271 nhân khẩu của bản Hưng Yên để thành lập Bản Bông. Bản Bông sau khi thành lập có 155 hộ, 661 nhân khẩu.

5.6. Sáp nhập 98 hộ, 439 nhân khẩu của thôn Púng Khẩu và 101 hộ, 416 nhân khẩu thôn Duyên Long để thành lập Thôn Duyên Long. Thôn Duyên Long sau khi thành lập có 199 hộ, 855 nhân khẩu.

5.7. Sáp nhập 91 hộ, 402 nhân khẩu của thôn Phủ On và 108 hộ, 458 nhân khẩu thôn Văn Biên để thành lập Thôn Văn Biên. Thôn Văn Biên sau khi thành lập có 199 hộ, 860 nhân khẩu.

5.8. Sáp nhập 95 hộ, 382 nhân khẩu của thôn Châu Bình và 106 hộ, 474 nhân khẩu thôn Văn Tân để thành lập Thôn Văn Tân. Thôn Văn Tân sau khi thành lập có 201 hộ, 856 nhân khẩu.

5.9. Sáp nhập 142 hộ, 563 nhân khẩu của thôn Tân Lập và 73 hộ, 294 nhân khẩu Thôn Noong Hòa để thành lập Thôn Tân Lập. Thôn Tân Lập sau khi thành lập có 215 hộ, 857 nhân khẩu.

5.10. Sáp nhập 95 hộ, 433 nhân khẩu của bản Phủ với 79 hộ, 390 nhân khẩu của bản Hoàng Công Chất để thành lập Bản Phủ. Bản Phủ sau khi thành lập có 174 hộ, 823 nhân khẩu.

5.11. Sáp nhập 88 hộ, 423 nhân khẩu bản Lé và 79 hộ, 266 nhân khẩu bản Noong Hẹt để thành lập Bản Noong Hẹt. Bản Noong Hẹt sau khi thành lập có 167 hộ, 689 nhân khẩu.

6. Xã Pom Lót: Sáp nhập 11 bản để thành lập 05 bản.

6.1. Sáp nhập 40 hộ, 156 nhân khẩu của Thôn 17 và 113 hộ, 467 nhân khẩu của Thôn 4 để thành lập Thôn 4. Thôn 4 sau khi thành lập có 153 hộ, 623 nhân khẩu.

6.2. Sáp nhập 57 hộ, 217 nhân khẩu của Thôn 19 và 88 hộ, 359 nhân khẩu của Thôn 6 để thành lập Thôn 6. Thôn 6 sau khi thành lập có 145 hộ, 576 nhân khẩu.

6.3. Sáp nhập 61 hộ, 226 nhân khẩu của Thôn 7A và 57 hộ, 273 nhân khẩu của Thôn 7B để thành lập Thôn 7. Thôn 7 sau khi thành lập có 118 hộ, 499 nhân khẩu.

6.4. Sáp nhập 28 hộ, 178 nhân khẩu của bản Pom Lót và 31 hộ, 124 nhân khẩu của Bản Thanh Xuân để thành lập Bản Pom Lót. Bản Pom Lót sau khi thành lập có 59 hộ, 302 nhân khẩu.

6.5. Sáp nhập 38 hộ, 151 nhân khẩu của bản Na Thìn, 68 hộ, 257 nhân khẩu bản Na Hai 1 và 36 hộ, 119 nhân khẩu bản Na Hai 2 để thành lập Bản Na Hai. Bản Na Hai sau khi thành lập có 142 hộ, 527 nhân khẩu.

7. Xã Mường Phăng: Sáp nhập 09 bản để thành lập 05 bản.

7.1. Sáp nhập 48 hộ, 214 nhân khẩu bản Cang 1 và 26 hộ, 98 nhân khẩu bản Cang 4 để thành lập Bản Cang 1. Bản Cang 1 sau khi thành lập có 74 hộ, 312 nhân khẩu.

7.2. Sáp nhập 33 hộ, 143 nhân khẩu bản Cang 2 và 44 hộ, 197 nhân khẩu bản Cang 3 để thành lập Bản Cang 2. Bản Cang 2 sau khi thành lập có 77 hộ, 340 nhân khẩu.

7.3. Sáp nhập 45 hộ, 193 nhân khẩu bản Yên 2 (cũ) và một phần của bản Yên 1 (cũ) (gồm 16 hộ, 38 nhân khẩu của bản) để thành lập bản Yên 1. Bản Yên 1 sau khi thành lập có 61 hộ, 231 nhân khẩu.

7.4. Sáp nhập 24 hộ, 95 nhân khẩu bản Yên 3 và 28 hộ, 153 nhân khẩu còn lại của bản Yên 1 (cũ) để thành lập bản Yên 2. Bản Yên 2 sau khi thành lập có 52 hộ, 248 nhân khẩu.

7.5. Sáp nhập 48 hộ, 240 nhân khẩu của bản Co Mận 1 và 30 hộ, 126 nhân khẩu bản Co Mận 2 để thành lập Bản Co Mận. Bản Co Mận sau khi thành lập có 78 hộ, 366 nhân khẩu.

8. Xã Pá Khoang: Sáp nhập 10 bản để thành lập 5 bản.

8.1. Sáp nhập 56 hộ, 260 nhân khẩu của bản Xôm 1 và 64 hộ, 303 nhân khẩu của bản Xôm 2 để thành lập Bản Xôm. Bản Xôm sau khi thành lập có 120 hộ, 563 nhân khẩu.

8.2. Sáp nhập 29 hộ, 149 nhân khẩu của bản Công và 52 hộ, 228 nhân khẩu của bản Kéo để thành lập Bản Kéo. Bản Kéo sau khi thành lập có 81 hộ, 377 nhân khẩu.

8.3. Sáp nhập 62 hộ, 281 nhân khẩu của bản Nghi 1 và 44 hộ, 174 nhân khẩu của bản Nghi 2 để thành lập Bản Nghi. Bản Nghi sau khi thành lập có 106 hộ, 455 nhân khẩu.

8.4. Sáp nhập 23 hộ, 116 nhân khẩu của bản Hả 1 và 35 hộ, 143 nhân khẩu của bản Hả 2 để thành lập Bản Hả. Bản Hả sau khi thành lập có 58 hộ, 259 nhân khẩu.

8.5. Sáp nhập 42 hộ, 188 nhân khẩu của bản Vang 1 và 54 hộ, 262 nhân khẩu của bản Vang 2 để thành lập Bản Vang. Bản Vang sau khi thành lập có 96 hộ, 450 nhân khẩu.

9. Xã Thanh Yên: *Sáp nhập 10 thôn, bản để thành lập 5 thôn, bản.*

9.1. Sáp nhập 87 hộ, 372 nhân khẩu của bản Noong Vai 1 và 86 hộ, 336 nhân khẩu của bản Noong Vai 2 để thành lập Bản Noong Vai. Bản Noong Vai sau khi thành lập có 173 hộ, 708 nhân khẩu.

9.2. Sáp nhập 100 hộ, 398 nhân khẩu của thôn Việt Yên 1 và 107 hộ, 370 nhân khẩu của thôn Việt Yên 2 để thành lập Thôn Việt Yên. Thôn Việt Yên sau khi thành lập có 207 hộ, 768 nhân khẩu.

9.3. Sáp nhập 59 hộ, 258 nhân khẩu của bản Pa Bói 1 và 89 hộ, 352 nhân khẩu của bản Pa Bói 2 để thành lập Bản Pa Bói. Bản Pa Bói sau khi thành lập có 148 hộ, 610 nhân khẩu.

9.4. Sáp nhập 56 hộ, 228 nhân khẩu của thôn Thanh Hà 1 và 83 hộ, 298 nhân khẩu của thôn Thanh Hà 2 để thành lập Thôn Thanh Hà. Thôn Thanh Hà sau khi thành lập có 139 hộ, 526 nhân khẩu.

9.5. Sáp nhập 72 hộ, 301 nhân khẩu của bản Nà Tông và 74 hộ, 314 nhân khẩu của bản Chiềng Đông để thành lập Bản Chiềng Tông. Bản Chiềng Tông sau khi thành lập có 146 hộ, 615 nhân khẩu.

10. Xã Mường Nhà: *Sáp nhập 05 bản để thành lập 03 bản.*

10.1. Sáp nhập 28 hộ, 112 nhân khẩu của bản Na Phay, 37 hộ, 156 nhân khẩu của bản Phiềng Sáng và 42 nhân khẩu, 189 nhân khẩu của bản Pa Có để thành lập Bản Na Phay 1. Bản Na Phay 1 sau khi thành lập có 107 hộ, 457 nhân khẩu.

10.2. Sáp nhập số hộ và số nhân khẩu còn lại của các bản: Na Phay, Phiềng Sáng, Pa Có (cụ thể: 18 hộ, 94 nhân khẩu của bản Na Phay, 39 hộ, 175 nhân khẩu của bản Phiềng Sáng và 45 hộ, 202 nhân khẩu của bản Pa Có) để thành lập Bản Na Phay 2. Bản Na Phay 2 sau khi thành lập có 102 hộ, 471 nhân khẩu.

10.3. Sáp nhập 83 hộ, 346 nhân khẩu của bản Na Khoang và 71 hộ, 301 nhân khẩu của bản Na Hôm để thành lập Bản Na Khoang. Bản Na Khoang sau khi thành lập có 154 hộ, 647 nhân khẩu.

11. Xã Thanh Xương: *Sáp nhập 6 đội để thành lập 02 thôn, đội.*

11.1. Sáp nhập 67 hộ, 256 nhân khẩu của Đội C17A và 103 hộ, 384 nhân khẩu của Đội C17B và 74 hộ, 290 nhân khẩu của Đội C17C để thành lập Đội C17. Đội C17 sau khi thành lập có 244 hộ, 930 nhân khẩu.

11.2. Sáp nhập 52 hộ, 230 nhân khẩu của Đội C9A và 50 hộ, 203 nhân khẩu của Đội C9B và 54 hộ, 241 nhân khẩu của Đội C9C để thành lập Thôn C9. Thôn C9 sau khi thành lập có 156 hộ, 674 nhân khẩu.

12. Xã Nà Nhạn: *Sáp nhập 18 bản để thành lập 09 bản.*

12.1. Sáp nhập 50 hộ, 296 nhân khẩu của bản Pá Khôm 1 và 15 hộ, 64 nhân khẩu của bản Pá Khôm 2 để thành lập Bản Pá Khôm. Bản Pá Khôm sau khi thành lập có 65 hộ, 360 nhân khẩu.

12.2. Sáp nhập 39 hộ, 183 nhân khẩu của bản Nà Ngám 1 và 48 hộ, 226 nhân khẩu của bản Nà Ngám 3 để thành lập bản Nà Ngám 1. Bản Nà Ngám 1 sau khi thành lập có 87 hộ, 409 nhân khẩu.

12.3. Sáp nhập 31 hộ, 144 nhân khẩu của bản Nà Ngám 2 và 52 hộ, 226 nhân khẩu của bản Nà Ngám 4 để thành lập Bản Nà Ngám 2. Bản Nà Ngám 2 sau khi thành lập có 83 hộ, 370 nhân khẩu.

12.4. Sáp nhập 56 hộ, 260 nhân khẩu của bản Huổi Hẹ 1 và 32 hộ, 151 nhân khẩu của bản Huổi Hẹ 2 để thành lập Bản Huổi Hẹ. Bản Huổi Hẹ sau khi thành lập có 88 hộ, 411 nhân khẩu.

12.5. Sáp nhập 65 hộ, 298 nhân khẩu của bản Tầu Pung 1 và 55 hộ, 263 nhân khẩu của bản Tầu Pung 2 để thành lập Bản Tầu Pung. Bản Tầu Pung sau khi thành lập có 120 hộ, 561 nhân khẩu.

12.6. Sáp nhập 48 hộ, 233 nhân khẩu của bản Nà Đốc và 37 hộ, 159 nhân khẩu của bản Nà Nhạn 1 để thành lập Bản Nà Nhạn 1. Bản Nà Nhạn 1 sau khi thành lập có 85 hộ, 392 nhân khẩu.

12.7. Sáp nhập 44 hộ, 206 nhân khẩu của bản Nà Nhạn 2 và 70 hộ, 318 nhân khẩu của bản Nà Nhạn 3 để thành lập bản Nà Nhạn 2. Bản Nà Nhạn 2 sau khi thành lập có 114 hộ, 524 nhân khẩu.

12.8. Sáp nhập 61 hộ, 359 nhân khẩu của bản Nà Pen 1 và 51 hộ, 275 nhân khẩu của bản Nà Pen 2 để thành lập Bản Nà Pen 1. Bản Nà Pen 1 sau khi thành lập có 112 hộ, 634 nhân khẩu.

12.9. Sáp nhập 62 hộ, 335 nhân khẩu của bản Nà Pen 3 và 21 hộ, 121 nhân khẩu của bản Nà Pen 4 để thành lập Bản Nà Pen 2. Bản Nà Pen 2 sau khi thành lập có 83 hộ, 456 nhân khẩu.

13. Xã Mường Lói: *Sáp nhập 02 bản để thành lập 01 bản.*

Sáp nhập 67 hộ, 302 nhân khẩu của bản Lói 1 và 39 hộ, 202 nhân khẩu của bản Lói 2 để thành lập Bản Lói. Bản Lói sau khi thành lập có 106 hộ, 504 nhân khẩu.

14. Xã Nà Tấu: *Sáp nhập 29 bản để thành lập 13 bản.*

14.1. Sáp nhập 47 hộ, 304 nhân khẩu của bản Hua Rốm 1 và 62 hộ, 320 nhân khẩu của bản Hua Rốm 2 để thành lập Bản Hua Rốm. Bản Hua Rốm sau khi thành lập có 109 hộ, 624 nhân khẩu.

14.2. Sáp nhập 44 hộ, 201 nhân khẩu của bản Tà Cáng 1 và 31 hộ, 157 nhân khẩu của bản Tà Cáng 2 và 54 hộ, 260 nhân khẩu của bản Tà Cáng 3 để thành lập Bản Tà Cáng. Bản Tà Cáng sau khi thành lập có 129 hộ, 618 nhân khẩu.

14.3. Sáp nhập 53 hộ, 238 nhân khẩu của bản Phiêng Ban và 23 hộ, 96 nhân khẩu của bản Co Đứa để thành lập Bản Phiêng Ban. Bản Phiêng Ban sau khi thành lập có 76 hộ, 334 nhân khẩu.

14.4. Sáp nhập 44 hộ, 177 nhân khẩu của bản Nà Láo và 24 hộ, 103 nhân khẩu của bản Co Sáng để thành lập Bản Nà Láo. Bản Nà Láo sau khi thành lập có 68 hộ, 280 nhân khẩu.

14.5. Sáp nhập 87 hộ, 381 nhân khẩu của bản Xôm 1 và 38 hộ, 171 nhân khẩu của bản Xôm 2 để thành lập Bản Xôm. Bản Xôm sau khi thành lập có 125 hộ, 552 nhân khẩu.

14.6. Sáp nhập 56 hộ, 283 nhân khẩu của bản Nà Cái 1 và 59 hộ, 305 nhân khẩu của bản Nà Cái 2 để thành lập Bản Nà Cái. Bản Nà Cái sau khi thành lập có 115 hộ, 588 nhân khẩu.

14.7. Sáp nhập 55 hộ, 203 nhân khẩu của bản Cang 1 và 55 hộ, 228 nhân khẩu của bản Cang 2 để thành lập Bản Cang. Bản Cang sau khi thành lập có 110 hộ, 431 nhân khẩu.

14.8. Sáp nhập 36 hộ, 170 nhân khẩu của bản Nà Luống 1 và 54 hộ, 251 nhân khẩu của Nà Luống 2 và 18 hộ, 79 nhân khẩu của Nà Luống 3 để thành lập Bản Nà Luống. Bản Nà Luống sau khi thành lập có 108 hộ, 500 nhân khẩu.

14.9. Sáp nhập 34 hộ, 182 nhân khẩu của bản Hồng Lú 1 và 44 hộ, 195 nhân khẩu của Hồng Lú 2 để thành lập Bản Hồng Lú. Bản Hồng Lú sau khi thành lập có 78 hộ, 377 nhân khẩu.

14.10. Sáp nhập 26 hộ, 114 nhân khẩu của bản Khua Pén và 27 hộ, 117 nhân khẩu của Nà Tấu 1 và 31 hộ, 154 nhân khẩu bản Nà Tấu 2 để thành lập Bản Nà Tấu 1. Bản Nà Tấu 1 sau khi thành lập có 84 hộ, 385 nhân khẩu.

14.11. Sáp nhập 53 hộ, 267 nhân khẩu của bản Nà Tấu 3 và 26 hộ, 127 nhân khẩu của Nà Tấu 6 để thành lập Bản Nà Tấu 2. Bản Nà Tấu 2 sau khi thành lập có 79 hộ, 394 nhân khẩu.

14.12. Sáp nhập 43 hộ, 182 nhân khẩu của bản Nà Tấu 4 và 30 hộ, 117 nhân khẩu của Nà Tấu 5 để thành lập Bản Nà Tấu 3. Bản Nà Tấu 3 sau khi thành lập có 73 hộ, 299 nhân khẩu.

14.13. Sáp nhập 72 hộ, 264 nhân khẩu của bản Trung Tâm 1 và 49 hộ, 185 nhân khẩu của Trung Tâm 2 để thành lập Bản Trung Tâm. Bản Trung Tâm sau khi thành lập có 121 hộ, 449 nhân khẩu.

15. Xã Thanh Lương: *Sáp nhập 33 thôn, đội để thành lập 16 thôn, bản.*

15.1. Sáp nhập 83 hộ, 260 nhân khẩu của bản Đội 2a và 113 hộ, 331 nhân khẩu của Đội 2b để thành lập Thôn Thanh Đông. Thôn Thanh Đông sau khi thành lập có 196 hộ, 591 nhân khẩu.

15.2. Sáp nhập 74 hộ, 276 nhân khẩu của bản Đội 3a và 47 hộ, 193 nhân khẩu của Đội 3b và 35 hộ, 138 nhân khẩu của Đội 3c để thành lập Thôn Cộng Hòa. Thôn Cộng Hòa sau khi thành lập có 156 hộ, 607 nhân khẩu.

15.3. Sáp nhập 68 hộ, 287 nhân khẩu của Đội 4, 33 hộ, 118 nhân khẩu của Đội 16 để thành lập Bản Lé. Bản Lé sau khi thành lập có 101 hộ, 405 nhân khẩu.

15.4. Sáp nhập 53 hộ, 219 nhân khẩu của Đội 14 và 23 hộ, 77 nhân khẩu của Đội 16 để thành lập bản Hoong Hin. Bản Hoong Hin sau khi thành lập có 76 hộ, 296 nhân khẩu.

15.5. Sáp nhập 60 hộ, 234 nhân khẩu của Đội 5a và 46 hộ, 178 nhân khẩu của Đội 5b để thành lập Thôn Thanh Bình A. Thôn Thanh Bình A sau khi thành lập có 106 hộ, 412 nhân khẩu.

15.6. Sáp nhập 94 hộ, 375 nhân khẩu của Đội 5c và 24 hộ, 89 nhân khẩu của Đội 5b để thành lập Thôn Thanh Bình B. Thôn Thanh Bình B sau khi thành lập có 118 hộ, 464 nhân khẩu.

15.7. Sáp nhập 45 hộ, 184 nhân khẩu của Đội 6a và 57 hộ 224 nhân khẩu Đội 6b và 44 hộ, 172 nhân khẩu của Đội 7 để thành lập Bản Ló. Bản Ló sau khi thành lập có 146 hộ, 580 nhân khẩu.

15.8. Sáp nhập 41 hộ, 183 nhân khẩu của Đội 8a và 43 hộ 174 nhân khẩu Đội 8c để thành lập Bản Pe Luông. Bản Pe Luông sau khi thành lập có 84 hộ, 357 nhân khẩu.

15.9. Sáp nhập 41 hộ, 183 nhân khẩu của Đội 8b và 33 hộ 139 nhân khẩu Đội 8d để thành lập Bản Món. Bản Món sau khi thành lập có 74 hộ, 322 nhân khẩu.

15.10. Sáp nhập 69 hộ, 284 nhân khẩu của Đội 9a và 52 hộ 240 nhân khẩu Đội 9b để thành lập Bản Lọng Tóng. Bản Lọng Tóng sau khi thành lập có 121 hộ, 524 nhân khẩu.

15.11. Sáp nhập 40 hộ, 166 nhân khẩu của Đội 10a và 35 hộ 157 nhân khẩu Đội 10b để thành lập Bản Pe Nội. Bản Pe Nội sau khi thành lập có 75 hộ, 323 nhân khẩu.

15.12. Sáp nhập 57 hộ, 242 nhân khẩu của Đội 12a và 43 hộ 195 nhân khẩu Đội 12b và 56 hộ, 214 nhân khẩu Đội 12c để thành lập Bản Bánh. Bản Bánh sau khi thành lập có 156 hộ, 651 nhân khẩu.

15.13. Sáp nhập 39 hộ, 126 nhân khẩu của Đội 13a và 36 hộ 133 nhân khẩu Đội 13b để thành lập Thôn 13. Thôn 13 sau khi thành lập có 75 hộ, 259 nhân khẩu.

15.14. Sáp nhập 51 hộ, 196 nhân khẩu của Đội 15a và 50 hộ, 188 nhân khẩu của Đội 15b để thành lập Bản Nghiệu. Bản Nghiệu sau khi thành lập có 101 hộ, 384 nhân khẩu.

15.15. Sáp nhập 65 hộ, 241 nhân khẩu của Đội C1a và 76 hộ, 258 nhân khẩu Đội C1b để thành lập Thôn C1. Thôn C1 sau khi thành lập có 141 hộ, 499 nhân khẩu.

15.16. Sáp nhập 42 hộ, 150 nhân khẩu của Đội Chế Biến 1 và 53 hộ, 219 nhân khẩu Đội Chế Biến 2 để thành lập Thôn Chế Biến. Thôn Chế Biến sau khi thành lập có 95 hộ, 369 nhân khẩu.

16. Xã Noong Luông: Sáp nhập 18 thôn, bản để thành lập 11 thôn, bản.

16.1. Sáp nhập 34 hộ, 141 nhân khẩu của bản Nôm và 56 hộ, 239 nhân khẩu của bản Co Nôm để thành lập Bản Co Nôm. Bản Co Nôm sau khi thành lập có 90 hộ, 380 nhân khẩu.

16.2. Sáp nhập 47 hộ, 208 nhân khẩu của bản Huổi Sen và 47 hộ, 188 nhân khẩu của bản Nôm để thành lập bản Nôm. Bản Nôm sau khi thành lập có 94 hộ, 396 nhân khẩu.

16.3. Sáp nhập 63 hộ, 229 nhân khẩu của thôn Thanh Sơn và 74 hộ, 192 nhân khẩu của thôn Thanh Bình để thành lập Thôn Thanh Sơn. Thôn Thanh Sơn sau khi thành lập có 137 hộ, 421 nhân khẩu.

16.4. Sáp nhập 60 hộ, 241 nhân khẩu của thôn A2 và 80 hộ, 327 nhân khẩu của thôn Thanh Xuân để thành lập Thôn A2. Thôn A2 sau khi thành lập có 140 hộ, 568 nhân khẩu.

16.5. Sáp nhập một phần bản Liếng (40 hộ, 161 nhân khẩu) và 40 hộ, 163 nhân khẩu bản Na Men để thành lập bản Huổi Phúc. Bản Huổi Phúc sau khi thành lập có 80 hộ, 324 nhân khẩu.

16.6. Sáp nhập 55 hộ, 285 nhân khẩu còn lại của bản Liếng và một phần của bản Lún A (30 hộ, 123 nhân khẩu) để thành lập bản Liếng. Bản Liếng sau khi thành lập có 85 hộ, 408 nhân khẩu.

16.7. Sáp nhập 52 hộ, 231 nhân khẩu của bản Lún B và 23 hộ, 94 nhân khẩu còn lại của bản Lún A để thành lập bản Lún. Bản Lún sau khi thành lập có 75 hộ, 325 nhân khẩu.

16.8. Sáp nhập 53 hộ, 246 nhân khẩu của bản Co Luống và 66 hộ, 293 nhân khẩu của bản Hua Ná để thành lập Bản Co Luống. Bản Co Luống sau khi thành lập có 119 hộ, 539 nhân khẩu.

16.9. Sáp nhập 41 hộ, 172 nhân khẩu của thôn Minh Tân và 42 hộ, 183 nhân khẩu của bản Thanh Chính để thành lập Bản Thanh Chính. Bản Thanh Chính sau khi thành lập có 83 hộ, 355 nhân khẩu.

16.10. Sáp nhập 59 hộ, 233 nhân khẩu của thôn Hưng Biên và một phần của bản Phiêng Quái (41 hộ, 159 nhân khẩu) để thành lập thôn Hưng Biên. Thôn Hưng Biên sau khi thành lập có 100 hộ, 392 nhân khẩu.

16.11. Sáp nhập 57 hộ, 242 nhân khẩu của bản Noong Luống và 28 hộ, 151 nhân khẩu còn lại của bản Phiêng Quái để thành lập bản Noong Luống. Bản Noong Luống sau khi thành lập có 85 hộ, 393 nhân khẩu.

17. Xã Thanh An: Sáp nhập 20 thôn, bản để thành lập 11 thôn, bản.

17.1. Sáp nhập 72 hộ, 285 nhân khẩu của bản Noong Ứng 1 và 61 hộ, 235 nhân khẩu của bản Noong Ứng 2 để thành lập Bản Noong Ứng. Bản Noong Ứng sau khi thành lập có 133 hộ, 520 nhân khẩu.

17.2. Sáp nhập 50 hộ, 222 nhân khẩu của bản Xôm và 74 hộ, 313 nhân khẩu của bản Mới để thành lập Bản Xôm. Bản Xôm sau khi thành lập có 124 hộ, 535 nhân khẩu.

17.3. Sáp nhập 68 hộ, 279 nhân khẩu của bản Ten Luống 1 và 56 hộ, 236 nhân khẩu của bản Ten Luống 2 để thành lập Bản Ten Luống. Bản Ten Luống sau khi thành lập có 124 hộ, 515 nhân khẩu.

17.4. Sáp nhập 71 hộ, 299 nhân khẩu của bản Sáng 1 và 75 hộ, 321 nhân khẩu của bản Sáng 2 để thành lập Bản Sáng. Bản Sáng sau khi thành lập có 146 hộ, 620 nhân khẩu.

17.5. Sáp nhập 62 hộ, 196 nhân khẩu của bản Hồng Khoong 2 và 93 hộ, 278 nhân khẩu của thôn Đồi Cao để thành lập Thôn Đồi Cao. Thôn Đồi Cao sau khi thành lập có 155 hộ, 474 nhân khẩu.

17.6. Sáp nhập 53 hộ, 222 nhân khẩu của bản Phiêng Ban và 43 hộ, 214 nhân khẩu bản Hồng Hịa để thành lập Bản Phiêng Ban. Bản Phiêng Ban sau khi thành lập có 96 hộ, 436 nhân khẩu.

17.7. Sáp nhập 60 hộ, 250 nhân khẩu của bản Cha và 37 hộ, 111 nhân khẩu của bản Hồng Hịa để thành lập Bản Cha. Bản Cha sau khi thành lập có 97 hộ, 361 nhân khẩu.

17.8. Sáp nhập 58 hộ, 198 nhân khẩu của thôn Thanh Bình và 79 hộ, 351 nhân khẩu của bản Huổi Cánh để thành lập Bản Huổi Cánh. Bản Huổi Cánh sau khi thành lập có 137 hộ, 549 nhân khẩu.

17.9. Sáp nhập một phần của các thôn: Đông Biên 1, Đông Biên 2, Đông Biên 3, Đông Biên 4 (cụ thể: 35 hộ, 102 nhân khẩu thôn Đông Biên 1; 35 hộ, 108 nhân khẩu của thôn Đông Biên 2; 20 hộ, 70 nhân khẩu của thôn Đông Biên 3; 4 hộ, 16 nhân khẩu của thôn Đông Biên 4) để thành lập Thôn Đông Biên 1. Thôn Đông Biên 1 sau khi thành lập có 94 hộ, 296 nhân khẩu.

17.10. Sáp nhập một phần của các thôn: Đông Biên 2, Đông Biên 3, Đông Biên 4, Đông Biên 5 (cụ thể: 18 hộ, 68 nhân khẩu của thôn Đông Biên 2, 49 hộ, 161 nhân khẩu của thôn Đông Biên 3, 27 hộ, 75 nhân khẩu của thôn Đông Biên 4, 5 hộ, 20 nhân khẩu của thôn Đông Biên 5) để thành lập Thôn Đông Biên 2. Thôn Đông Biên 2 sau khi thành lập có 99 hộ, 324 nhân khẩu.

17.11. Sáp nhập số hộ, số nhân khẩu còn lại của các thôn: Đông Biên 1, Đông Biên 4 và thôn Đông Biên 5 (cụ thể: 12 hộ, 58 nhân khẩu của thôn Đông Biên 1, 25 hộ, 97 nhân khẩu của thôn Đông Biên 4, 77 hộ, 152 nhân khẩu của thôn Đông Biên 5) để thành lập Thôn Đông Biên 3. Thôn Đông Biên 3 sau khi thành lập có 114 hộ, 307 nhân khẩu.

18. Xã Thanh Hưng: *Sáp nhập 10 thôn, bản để thành lập 05 thôn, bản.*

18.1. Sáp nhập 52 hộ, 195 nhân khẩu của thôn Thanh Hòa và 50 hộ, 208 nhân khẩu của thôn Thanh Nga để thành lập Thôn Thanh Hòa. Thôn Thanh Hòa sau khi thành lập có 102 hộ, 404 nhân khẩu.

18.2. Sáp nhập 32 hộ, 142 nhân khẩu của thôn Đoàn Kết và 69 hộ, 275 nhân khẩu của thôn Hồng Thái để thành lập Thôn Hồng Thái. Thôn Hồng Thái sau khi thành lập có 101 hộ, 417 nhân khẩu.

18.3. Sáp nhập 63 hộ, 250 nhân khẩu của thôn Việt Hưng và 68 hộ, 232 nhân khẩu của thôn Thanh Mai để thành lập Thôn Việt Thanh. Thôn Việt Thanh sau khi thành lập có 131 hộ, 482 nhân khẩu.

18.4. Sáp nhập 72 hộ, 291 nhân khẩu của bản Hồng Lếch Cuông và 75 hộ, 293 nhân khẩu của bản Hồng Lếch Nưa để thành lập Bản Hồng Lếch Cuông. Bản Hồng Lếch Cuông sau khi thành lập có 147 hộ, 584 nhân khẩu.

18.5. Sáp nhập 69 hộ, 267 nhân khẩu của thôn Thanh Chung A và 77 hộ, 264 nhân khẩu của thôn Thanh Chung B để thành lập Thôn Thanh Chung. Thôn Thanh Chung sau khi thành lập có 146 hộ, 531 nhân khẩu.

19. Xã Pa Thơm: *Sáp nhập 02 bản để thành lập 01 bản.*

Sáp nhập 40 hộ, 195 nhân khẩu của bản Púng Bon và 13 hộ, 49 nhân khẩu của bản Si Vần để thành lập Bản Púng Bon. Bản Púng Bon sau khi thành lập có 53 hộ, 244 nhân khẩu.

20. Xã Na Tông: *Sáp nhập 08 bản để thành lập 04 bản.*

20.1. Sáp nhập 64 hộ, 371 nhân khẩu của bản Sơn Tổng A và 94 hộ, 508 nhân khẩu của bản Sơn Tổng B để thành lập Bản Sơn Tổng. Bản Sơn Tổng sau khi thành lập có 158 hộ, 879 nhân khẩu.

20.2. Sáp nhập 48 hộ, 190 nhân khẩu của bản Tân Quang và 81 hộ, 339 nhân khẩu của bản Na Ổ để thành lập Bản Na Ổ. Bản Na Ổ sau khi thành lập có 129 hộ, 529 nhân khẩu.

20.3. Sáp nhập 38 hộ, 173 nhân khẩu của bản Na Sản và 92 hộ, 442 nhân khẩu của bản Na Tông 1 để thành lập Bản Na Tông 1. Bản Na Tông 1 sau khi thành lập có 130 hộ, 615 nhân khẩu.

20.4. Sáp nhập 64 hộ, 312 nhân khẩu của bản Pa Kín 1 và 59 hộ, 245 nhân khẩu của bản Pa Kín 2 để thành lập Bản Pa Kín. Bản Pa Kín sau khi thành lập có 123 hộ, 557 nhân khẩu.

II. HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG: *Sáp nhập 90 thôn, bản, tổ dân phố để thành lập 45 thôn, bản, tổ dân phố.*

1. Xã Luân Giới: *Sáp nhập 10 bản để thành lập 5 bản.*

1.1. Sáp nhập 27 hộ, 123 nhân khẩu của bản Nong Bua và 36 hộ, 183 nhân khẩu của bản Yên để thành lập Bản Yên Bua. Bản Yên Bua sau khi thành lập có 63 hộ, 306 nhân khẩu.

1.2. Sáp nhập 37 hộ, 180 nhân khẩu của bản Che Phai với 36 hộ, 163 nhân khẩu của bản Nà Luông để thành lập Bản Che Phai. Bản Che Phai sau khi thành lập có 73 hộ, 343 nhân khẩu.

1.3. Sáp nhập 27 hộ, 116 nhân khẩu bản Phiêng Púng và 74 hộ, 340 nhân khẩu bản Pá Khôm để thành lập Bản Pá Khôm. Bản Pá Khôm sau khi thành lập có 101 hộ, 456 nhân khẩu.

1.4. Sáp nhập 65 hộ, 282 nhân khẩu bản Co Đũa và 61 hộ, 250 nhân khẩu bản Ten Cù để thành lập Bản Co Cù. Bản Co Cù sau khi thành lập có 126 hộ, 532 nhân khẩu.

1.5. Sáp nhập 56 hộ, 280 nhân khẩu bản Lại Trên và 56 hộ, 231 nhân khẩu bản Phiêng Kên để thành lập Bản Đại. Bản Đại sau khi thành lập có 112 hộ, 511 nhân khẩu.

2. Xã Pu Nhi: *Sáp nhập 13 bản để thành lập 06 bản.*

2.1. Sáp nhập 57 hộ, 255 nhân khẩu bản Huổi Tao A với 67 hộ, 290 nhân khẩu bản Huổi Tao C để thành lập Bản Huổi Tao A. Bản Huổi Tao A sau khi thành lập có 124 hộ, 545 nhân khẩu.

2.2. Sáp nhập 50 hộ, 271 nhân khẩu bản Háng Trọ A với 43 hộ, 279 nhân khẩu bản Háng Trọ B và 45 hộ, 276 nhân khẩu bản Háng Trọ C để thành lập Bản Háng Trọ. Bản Háng Trọ sau khi thành lập có 138 hộ, 826 nhân khẩu.

2.3. Sáp nhập 54 hộ, 218 nhân khẩu của bản Nậm Ngám A và 48 hộ, 220 nhân khẩu của bản Phiêng Ngám để thành lập Bản Nậm Ngám A. Bản Nậm Ngám A sau khi thành lập có 102 hộ, 438 nhân khẩu.

2.4. Sáp nhập 60 hộ, 319 nhân khẩu của bản Phù Lồng A với 50 hộ, 291 nhân khẩu của bản Phù Lồng C để thành lập Bản Phù Lồng A. Bản Phù Lồng A sau khi thành lập có 110 hộ, 610 nhân khẩu.

2.5. Sáp nhập 56 hộ, 345 nhân khẩu bản Pu Nhi A và 62 hộ, 315 nhân khẩu bản Pu Nhi D để thành lập Bản Pu Nhi A. Bản Pu Nhi A sau khi thành lập có 118 hộ, 660 nhân khẩu.

2.6. Sáp nhập 48 hộ, 253 nhân khẩu bản Pu Nhi B và 46 hộ, 247 nhân khẩu bản Pu Nhi C để thành lập Bản Pu Nhi B. Bản Pu Nhi B sau khi thành lập có 94 hộ, 500 nhân khẩu.

3. Xã Phì Nhừ: *Sáp nhập 02 bản để thành lập 01 bản.*

Sáp nhập 44 hộ, 254 nhân khẩu bản Cồ Dề A và 44 hộ, 228 nhân khẩu Cồ Dề B để thành lập Bản Cồ Dề. Bản Cồ Dề sau khi thành lập có 88 hộ, 482 nhân khẩu.

4. Xã Phình Giàng: *Sáp nhập 6 bản để thành lập 3 bản.*

4.1. Sáp nhập 73 hộ, 358 nhân khẩu bản Phì Xua A và 59 hộ, 331 nhân khẩu bản Phì Xua B để thành lập Bản Phì Xua. Bản Phì Xua sau khi thành lập có 132 hộ, 689 nhân khẩu.

4.2. Sáp nhập 46 hộ, 218 nhân khẩu bản Xa Vua A và 20 hộ, 106 nhân khẩu thôn Pà Lâu để thành lập Bản Xa Vua A. Bản Xa Vua A sau khi thành lập có 66 hộ, 324 nhân khẩu.

4.3. Sáp nhập 33 hộ, 175 nhân khẩu của bản Xa Vua B với 58 hộ, 310 nhân khẩu bản Xa Vua C để thành lập Bản Xa Vua B. Bản Xa Vua B sau khi thành lập có 91 hộ, 485 nhân khẩu.

5. Thị Trấn: *Sáp nhập 9 Tổ để thành lập 04 Tổ.*

5.1. Sáp nhập 93 hộ, 340 nhân khẩu của Tổ dân phố số 1 và 67 hộ, 247 nhân khẩu Tổ dân phố số 2 để thành lập Tổ dân phố số 1. Tổ dân phố số 1 sau khi thành lập có 160 hộ, 587 nhân khẩu.

5.2. Sáp nhập 62 hộ, 279 nhân khẩu của Tổ dân phố số 3 và 66 hộ, 281 nhân khẩu Tổ dân phố số 4 để thành lập Tổ dân phố số 3. Tổ dân phố số 3 sau khi thành lập có 128 hộ, 560 nhân khẩu.

5.3. Sáp nhập 65 hộ, 252 nhân khẩu của Tổ dân phố số 5 và 106 hộ, 404 nhân khẩu Tổ dân phố số 10 để thành lập Tổ dân phố số 4. Tổ dân phố số 4 sau khi thành lập có 171 hộ, 656 nhân khẩu.

5.4. Sáp nhập 74 hộ, 288 nhân khẩu của Tổ dân phố số 6 với 74 hộ, 296 nhân khẩu Tổ dân phố số 8 và 50 hộ, 171 nhân khẩu Tổ dân phố số 9 để thành lập Tổ dân phố số 5. Tổ dân phố số 5 sau khi thành lập có 198 hộ, 755 nhân khẩu.

6. Xã Mường Luân: *Sáp nhập 13 bản để thành lập 07 bản.*

6.1. Sáp nhập 64 hộ, 296 nhân khẩu của bản Pá Vạt 1 và một phần của bản Pá Vạt 3 (gồm: 36 hộ, 326 nhân khẩu) để thành lập Bản Pá Vạt 1. Bản Pá Vạt 1 sau khi thành lập có 100 hộ, 622 nhân khẩu.

6.2. Sáp nhập 64 hộ, 318 nhân khẩu của bản Pá Vạt 2 và một phần của bản Pá Vạt 3 (gồm: 35 hộ, 326 nhân khẩu) để thành lập Bản Pá Vạt 2. Bản Pá Vạt 2 sau khi thành lập có 99 hộ, 644 nhân khẩu.

6.3. Sáp nhập 47 hộ, 215 nhân khẩu của bản Na Pục và 38 hộ, 167 nhân khẩu của bản Hát Sọt để thành lập Bản Na Pục. Bản Na Pục khi thành lập có 85 hộ, 382 nhân khẩu.

6.4. Sáp nhập 36 hộ, 174 nhân khẩu của bản Na Ten và 45 hộ, 199 nhân khẩu của bản Phiêng Sọt để thành lập Bản Na Ten. Bản Na Ten sau khi thành lập có 81 hộ, 373 nhân khẩu.

6.5. Sáp nhập 47 hộ, 237 nhân khẩu của bản Na Sản 1 và 48 hộ, 194 nhân khẩu bản Na Sản 2 để thành lập Bản Na Sản. Bản Na Sản sau khi thành lập có 95 hộ, 431 nhân khẩu.

6.6. Sáp nhập 33 hộ, 124 nhân khẩu của bản Na Hát và 30 hộ, 112 nhân khẩu của bản Bánh để thành lập Bản Na Hát. Bản Na Hát sau khi thành lập có 63 hộ, 236 nhân khẩu.

6.7. Sáp nhập 70 hộ, 305 nhân khẩu của bản Mường Luân 1 và 32 hộ, 147 nhân khẩu bản Mường Luân 2 để thành lập Bản Mường Luân 1. Bản Mường Luân 1 sau khi thành lập có 102 hộ, 452 nhân khẩu.

7. Xã Na Son: *Sáp nhập 8 bản để thành lập 4 bản.*

7.1. Sáp nhập 57 hộ, 237 nhân khẩu của bản Sư Lư 1 và 49 hộ, 215 nhân khẩu bản Sư Lư 2 để thành lập Bản Na Lanh. Bản Na Lanh sau khi thành lập có 106 hộ, 452 nhân khẩu.

7.2. Sáp nhập 46 hộ, 204 nhân khẩu của bản Sur Lư 3 và 55 hộ, 254 nhân khẩu bản Sur Lư 4 để thành lập Bản Sur Lư. Bản Sur Lư sau khi thành lập có 101 hộ, 458 nhân khẩu.

7.3. Sáp nhập 57 hộ, 266 nhân khẩu của bản Lọng Chuông A và 48 hộ, 205 nhân khẩu của bản Lọng Chuông B để thành lập Bản Lọng Chuông. Bản Lọng Chuông sau khi thành lập có 105 hộ, 471 nhân khẩu.

7.4. Sáp nhập 52 hộ, 273 nhân khẩu của bản Na Phát A và 59 hộ, 244 nhân khẩu của bản Na Phát B để thành lập Bản Na Phát. Bản Na Phát sau khi thành lập có 111 hộ, 517 nhân khẩu.

8. Xã Tia Đình: *Sáp nhập 8 bản để thành lập 4 bản.*

8.1. Sáp nhập 47 hộ, 302 nhân khẩu của bản Tia Đình A và 36 hộ, 210 nhân khẩu của bản Tia Đình B để thành lập Bản Tia Đình 2. Bản Tia Đình 2 sau khi thành lập có 83 hộ, 512 nhân khẩu.

8.2. Sáp nhập 32 hộ, 193 nhân khẩu của bản Na Hay A và 30 hộ, 144 nhân khẩu của bản Na Hay B để thành lập Bản Na Hay. Bản Na Hay sau khi thành lập có 62 hộ, 337 nhân khẩu.

8.3. Sáp nhập 40 hộ, 276 nhân khẩu của bản Háng Sua A và 30 hộ, 203 nhân khẩu của bản Háng Sua B để thành lập Bản Háng Sua. Bản Háng Sua sau khi thành lập có 70 hộ, 479 nhân khẩu.

8.4. Sáp nhập 42 hộ, 273 nhân khẩu của bản Tào La A và 39 hộ, 237 nhân khẩu của bản Tào La B để thành lập Bản Tào La. Bản Tào La sau khi thành lập có 81 hộ, 510 nhân khẩu.

9. Xã Chiềng Sơ: *Sáp nhập 15 bản để thành lập 8 bản.*

9.1. Sáp nhập 63 hộ, 324 nhân khẩu của bản Nà Muông và 51 hộ, 248 nhân khẩu bản Co Muông để thành lập Bản Nà Muông. Bản Nà Muông sau khi thành lập có 114 hộ, 572 nhân khẩu.

9.2. Sáp nhập 44 hộ, 226 nhân khẩu của bản Cang A và 45 hộ, 222 nhân khẩu bản Cang B để thành lập Bản Cang. Bản Cang sau khi thành lập có 89 hộ, 448 nhân khẩu.

9.3. Sáp nhập 48 hộ, 237 nhân khẩu của bản Pá Nặm A và 50 hộ, 230 nhân khẩu của bản Pá Nặm B để thành lập Bản Pá Nặm. Bản Pá Nặm sau khi thành lập có 98 hộ, 467 nhân khẩu.

9.4. Sáp nhập 38 hộ, 210 nhân khẩu của bản Huổi Hu A và 35 hộ, 205 nhân khẩu của bản Huổi Hu B để thành lập Bản Huổi Hu. Bản Huổi Hu sau khi thành lập có 73 hộ, 415 nhân khẩu.

9.5. Sáp nhập 73 hộ, 394 nhân khẩu của bản Kéo và 56 hộ, 309 nhân khẩu bản Co My để thành lập Bản Kéo. Bản Kéo sau khi thành lập có 129 hộ, 703 nhân khẩu.

9.6. Sáp nhập 43 hộ, 223 nhân khẩu của bản Pá Hịa A và 41 hộ, 194 nhân khẩu của bản Pá Hịa B để thành lập Bản Pá Hịa. Bản Pá Hịa sau khi thành lập có 84 hộ, 417 nhân khẩu.

9.7. Sáp nhập 45 hộ, 220 nhân khẩu của bản Nậm Mẩn A và 12 hộ, 55 nhân khẩu của bản Phiêng Chai để thành lập Bản Nậm Mẩn A. Bản Nậm Mẩn A sau khi thành lập có 57 hộ, 275 nhân khẩu.

9.8. Sáp nhập 35 hộ, 145 nhân khẩu của bản Nậm Mẩn B và 21 hộ, 101 nhân khẩu của bản Phiêng Chai để thành lập Bản Nậm Mẩn B. Bản Nậm Mẩn B sau khi thành lập có 56 hộ, 246 nhân khẩu.

10. Xã Keo Lôm: Sáp nhập 4 bản để thành lập 02 bản.

10.1. Sáp nhập 48 hộ, 239 nhân khẩu của bản Háng Lia 1 và 33 hộ, 203 nhân khẩu của bản Háng Lia 2 để thành lập Bản Háng Lia. Bản Háng Lia sau khi thành lập có 81 hộ, 442 nhân khẩu.

10.2. Sáp nhập 38 hộ, 166 nhân khẩu của Huổi Múa A và 39 hộ, 235 nhân khẩu của Huổi Múa C để thành lập Bản Huổi Múa A. Bản Huổi Múa A sau khi thành lập có 77 hộ, 401 nhân khẩu.

11. Xã Nong U: Sáp nhập 02 bản để thành lập 01 bản.

Sáp nhập 50 hộ, 293 nhân khẩu của bản Tia Mùng A và 43 hộ, 249 nhân khẩu của bản Tia Mùng C để thành lập Bản Tia Mùng A. Bản Tia Mùng A sau khi thành lập có 93 hộ, 542 nhân khẩu.

B. ĐỔI TÊN BẢN, TỔ DÂN PHỐ

I. HUYỆN ĐIỆN BIÊN:

1. Xã Thanh Xương: Đổi tên 02 bản.

- Đổi tên bản Pú Tầu A thành bản Pú Tầu 1.
- Đổi tên bản Pú Tầu B thành bản Pú Tầu 2.

II. HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG: Đổi tên 07 bản, 01 tổ dân phố.

1. Thị trấn Điện Biên Đông: Đổi tên Tổ dân phố số 7 thành Tổ dân phố số 2.

2. Xã Mường Luân: Đổi tên bản Mường Luân 3 thành bản Mường Luân 2.

3. Xã Na Son:

- Đổi tên bản Sư Lư 5 thành bản Co Hả.
- Đổi tên bản Lọng Chuông C thành bản Co Píp.
- Đổi tên bản Na Phát C thành bản Na Cảnh.

4. Xã Tà Đình:

- Đổi tên bản Tà Đình C thành bản Tà Đình 1.
- Đổi tên bản Chua Ta A thành bản Chua Ta 1.
- Đổi tên bản Chua Ta B thành Bản Chua Ta 2./.